

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3724 5999
- Fax: 024.3724 5775
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thanh Thùy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các tài liệu kèm theo:

- Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban Giám đốc;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2021
- Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2021;
- Tờ trình thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022;
- Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung;
- Tờ trình thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông 2023;
- Tờ trình thông qua Quy chế đầu tư sửa đổi, bổ sung.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/04/2022 tại đường dẫn: <http://nvs.vn/tabid/231/Default.aspx>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.


Đại diện tổ chức
Người UQ công bố thông tin
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng


C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
TP. HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Giấy phép hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16/05/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/10/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;
- Biên bản họp số 01/2022/NVS/BBH-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

**QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Ban Giám đốc

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2021

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án lựa tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2021

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6. Thông qua Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8. Thông qua Quy chế đầu tư sửa đổi, bổ sung

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 9. Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

Số phiếu biểu quyết tán thành 25.200.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Lưu P.HC-NS.



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) được tiến hành theo đề nghị triệu tập của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

I. Công ty:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK (NVS)**

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, sửa đổi lần thứ 2 ngày 30/12/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3724 5999 Fax: 024.3724 5775 Website: www.nvs.vn

II. Thời gian, địa điểm họp:

- Thời gian: 8h00 ngày 22 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm: Tại Hội sở của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank – Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

III. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Kiều Xuân Kiên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp tính đến ngày 22/03/2021 đã có 05 cổ đông đại diện cho 25.200.000 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, chiếm 100% vốn Điều lệ của Công ty, gồm các ông/bà có tên sau đây:

- Ngân hàng TMCP Quốc Dân ủy quyền cho Bà Lê Kim Chi tham dự
- Ông Nguyễn Sơn
- Bà Quách Thị Nga
- Bà Phạm Thị Yến
- Bà Lê Thị Anh

IV. Bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu:

Đại hội đã biểu quyết bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu như sau:

1. Đoàn chủ tịch:
 - Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch HĐQTChủ tọa Đại hội: Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT
2. Thư ký cuộc họp: Ông Kiều Xuân Kiên
3. Ban kiểm phiếu:

- Bà Thế Thị Minh Hồng – Trưởng Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Thị Thơm – Thành viên Ban kiểm phiếu

V. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:

Đoàn chủ tịch đã chủ trì thảo luận các ý kiến đóng góp và Đại hội đã nhất trí thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Sơn – Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT
- Nội dung chi tiết Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của HĐQT đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Ban Giám đốc

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng giám đốc
- Nội dung chi tiết Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Ban Giám đốc đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

- Người báo cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chức vụ: Kế toán trưởng
- Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

4. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2021

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nội dung chi tiết Báo cáo thường niên năm 2021 đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

5. Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022

- Người báo cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chức vụ: Kế toán trưởng
- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty trong năm 2022 theo Tờ trình thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 của Tổng Giám đốc.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm một trong các công ty kiểm toán tại Tờ trình nêu trên để thực hiện soát xét và phát hành Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng đầu năm và của năm với tiêu chí uy tín, an toàn và chi phí thích hợp.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Báo cáo với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

6. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2021

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Lê Hoàng Anh – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
- Nội dung chi tiết Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Ủy ban kiểm toán đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Phương án phát hành tăng vốn với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

7. Thông qua Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Nội dung chi tiết Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021 của Tổng Giám đốc đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Điều lệ mới với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
-------------------	------------	--

2.
KG
PH
QK
IB

Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

8. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Nội dung chi tiết Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty của Tổng Giám đốc và dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đã được gửi cho các cổ đông/người đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông mới với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%



9. Thông qua Quy chế đầu tư sửa đổi, bổ sung

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đầu tư.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Quy chế đầu tư mới với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%



10. Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung

- Người báo cáo: Ông Phan Anh Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
- ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Quy chế đầu tư mới với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội
Đồng ý	25.200.000	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Kiều Xuân Kiên – Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Biên bản này được lập hồi 11h20 ngày 22/04/2022.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

Thư ký cuộc họp



KIỀU XUÂN KIÊN

Chủ tọa cuộc họp



Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình thực hiện Kế hoạch kinh doanh, hoạt động của HĐQT của Công ty trong năm 2021, phương hướng nhiệm vụ Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Khái quát chung về Công ty

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Chứng khoán Việt Nam:

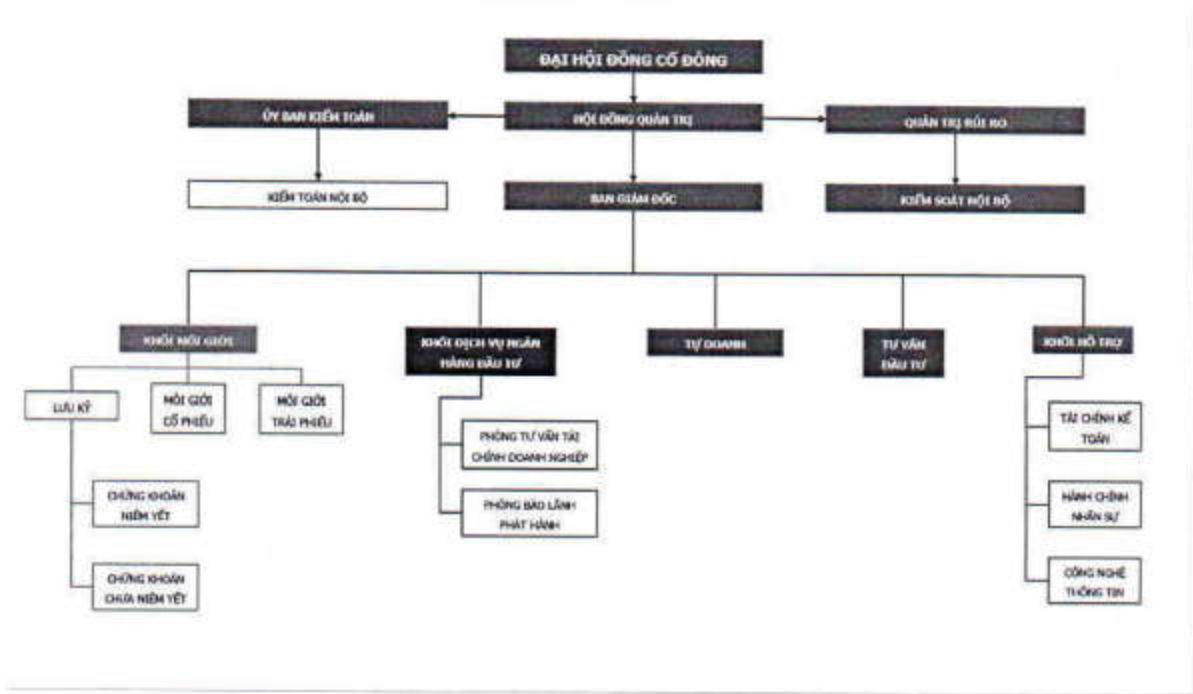
- Trụ sở tại: Tầng 6, Tòa nhà Handiresco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội;
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/05/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, sửa đổi lần thứ nhất ngày 30/12/2021.

1.2. Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 252.000.000.000 đồng.

1.3. Tổ chức của Công ty gồm

- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên
 - Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch
 - Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch
 - Ông Lê Chí Phúc – Thành viên
 - Bà Lê Kim Chi – Thành viên
 - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên.
- Ban Giám đốc điều hành và bộ phận giúp việc như dưới:





2. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2021

Mặc dù đại dịch Covid 19 vẫn tiếp tục diễn ra với tình hình căng thẳng hơn so với năm 2020, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế chung và cản trở công việc do luân lượt các nhân viên phải làm việc từ xa do bị mắc Covid 19 hoặc là F1, F2... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự đồng lòng nhất trí của tập thể CBNV, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, NVS đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Cụ thể:

- Tổng doanh thu hoạt động: 298 tỷ đồng (tăng 51,4% so với năm 2020);
- Lợi nhuận trước thuế: 39,8 tỷ đồng (tăng 177,4% so với năm 2020);
- Tổng tài sản: 452,9 tỷ đồng (tăng 183,98 tỷ so với năm 2020);
- Vốn chủ sở hữu: 282,4 tỷ đồng (tăng 96,87 tỷ so với năm 2020).

Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

- HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.
- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định của Nhà nước.
- Các văn bản quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý kinh doanh.
- Kết quả đạt được trong năm 2021, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 252.000.000.000 (Hai trăm năm mươi hai tỷ) đồng qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ 2021, bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán, hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

3. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2021

3.1. Hoạt động của HĐQT trong năm

02 -
CÔNG
CỔ PH
ỨNG K
AVIB
ĐÌNH -

- Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2021, HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư mua sắm công nghệ, các vấn đề về nhân sự và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, phối hợp với Ban giám đốc kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- HĐQT đã giám sát, đôn đốc Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ 2021 nhằm tăng vốn điều lệ, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, đăng ký doanh nghiệp cho Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán 2019.
- Phối hợp bộ phận Quản trị rủi ro để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.
- Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- HĐQT thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền HĐQT.
- Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Các Nghị quyết và quyết định HĐQT ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên HĐQT.
- Số lượng Nghị quyết ban hành trong năm 2021: 04 Nghị quyết.

3.2. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.



- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, các chế độ khác đối với người lao động.
- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kinh doanh hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.
- Trong năm 2021, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động, thực hiện tăng vốn điều lệ và bổ sung nghiệp vụ để nâng cao kết quả kinh doanh cho Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, với nguồn vốn chủ sở hữu đã được tăng từ năm 2021 và với đầy đủ 04 nghiệp vụ chính của Công ty chứng khoán, sẽ là năm Công ty được kỳ vọng có nhiều chuyển biến trong hoạt động kinh doanh và quản trị. Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ giám sát, đôn đốc, tiếp nối việc phát huy những thế mạnh của Công ty để đưa ra những phương án tốt nhất nhằm khắc phục những khó khăn và tồn tại, phương án phát triển kinh doanh để đưa Công ty ngày một lớn mạnh trong năm 2022

Bên cạnh đó, chiến lược kinh doanh của NVS sẽ tập trung vào 03 mảng chiến lược là tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán và kinh doanh trái phiếu.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin được cảm ơn sự cố gắng của cán bộ nhân viên trong Công ty; sự ủng hộ và tin tưởng của các Quý cổ đông, các đối tác trong năm qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự động viên, giúp đỡ của các quý cổ đông và các đối tác trong năm 2021.

Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ngày càng phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HC-NS.



BÁO CÁO **CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2021

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt những thành quả nhất định, hệ thống giao dịch hoạt động thông suốt, thị trường hoạt động ổn định, tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và thanh khoản, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, khẳng định vị trí, vai trò là kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ với mức vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2021 tăng 45,5% so với cuối năm trước.

Tính đến ngày 27/12/2021, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 26.526 tỷ đồng/phiên, tăng 257,5% so với bình quân năm trước; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 11.421 tỷ đồng/phiên, tăng 9,9%; khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 trên thị trường chứng khoán phái sinh đạt 189.923 hợp đồng/phiên, tăng 21%.

Tuy nhiên, cùng với sự phục hồi của các nền kinh tế sau tác động lớn của đại dịch, lạm phát đã gia tăng mạnh ở nhiều nước trên thế giới, ghi nhận những kỷ lục trong nhiều năm, gây ảnh hưởng đến mọi nền kinh tế lớn nhỏ.

Trong bối cảnh đó, Tổng Giám đốc cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty đã luôn chuẩn bị những giải pháp phù hợp, triển khai linh hoạt các phương án kinh doanh trong 02 năm tới để đạt mục tiêu phát triển NVS lớn mạnh và theo kịp sự phát triển của thị trường chứng khoán.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Kết quả kinh doanh	Năm 2020	Năm 2021	Thay đổi (%)
Kết quả kinh doanh chính (Triệu đồng)			
Doanh thu hoạt động	197.003	298.131	51.4%



Chi phí hoạt động	175.393	250.560	43%
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	14.371	39.866	177,4%
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	11.511	31.892	177,4%
Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)			
Tổng tài sản	268.920	452.961	68,44%
Vốn chủ sở hữu	185.528	282.420	52,22%
Các chỉ tiêu tài chính			
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	6,4%	13,6%	112,5%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – đồng	616	1.266	105,52%

1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Doanh thu hoạt động trong năm 2021 của NVS đạt 298.131 triệu đồng chủ yếu đến từ nghiệp vụ Tự doanh và Môi giới chứng khoán, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	191.747	64,32
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.028	0,34
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	2.008	0,67
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	4.976	1,67
Doanh thu nghiệp vụ Môi giới chứng khoán	97.359	32,66
Doanh thu nghiệp vụ Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	0	0
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.013	0,34
Thu nhập hoạt động khác	0	0
Tổng doanh thu	298.131	100%

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trích từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021:

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	443.031.580.926	258.528.974.327
I. Tài sản tài chính	442.600.921.199	258.247.811.274
II. Tài sản ngắn hạn khác	430.659.727	281.163.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.929.536.059	10.391.131.848
I. Tài sản tài chính dài hạn	2.258.012.879	2.301.129.301
II. Tài sản cố định	3.317.164.024	1.070.008.707
III. Chi phí xây dựng cơ bản	100.000.000	2.871.320.000

IV. Tài sản dài hạn khác	4.254.359.156	4.148.673.840
TỔNG TÀI SẢN	452.961.116.985	268.920.106.175
A. NỢ PHẢI TRẢ	170.540.768.417	83.391.660.387
I. Nợ phải trả ngắn hạn	166.438.133.448	81.680.453.028
II. Nợ phải trả dài hạn	4.102.634.969	1.711.207.359
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	282.420.348.568	185.528.445.788
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252.000.000.000	187.000.000.000
II. Lợi nhuận chưa phân phối	30.420.348.568	(1.471.554.212)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	452.961.116.985	268.920.106.175

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 là năm xác định sẽ còn chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19, tuy vậy nền kinh tế toàn cầu cũng như của Việt Nam được dần phục hồi với tín hiệu thị trường có nhiều điểm sáng.

Tổng Giám đốc Công ty nhận định: năm 2022 với tiền đề là sự tăng vốn điều lệ và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh từ năm 2021, sẽ là năm có những bước nhảy vọt trong sự phát triển kinh doanh của Công ty, khẳng định vị thế mới của NVS trên thị trường chứng khoán.

Mục tiêu năm 2022 của Công ty vừa củng cố nền tảng quản trị vận hành hiệu quả, song song với tăng trưởng mạnh mẽ các chỉ tiêu kinh doanh. Ban Điều hành sẽ chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện tốt và phát triển nghiệp vụ của các phòng ban, đưa NVS vận hành hiệu quả và phát triển kinh doanh.

Trên đây là Báo cáo Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tổng Giám đốc Công ty.

Trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC-NS.



Tổng Giám đốc
PHAN ANH TUẤN

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo thường niên năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên (Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****PHAN ANH TUẤN**

TỜ TRÌNH*V/v: phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2021 như sau:

I. Tổng hợp thu nhập của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	39.865.763.701
1.1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	27.861.284.086
1.2	Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	12.004.479.615
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.973.860.921
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.891.902.780
4	Dự kiến Trích lập các quỹ, trong đó:	1.594.595.139
4.1	Quỹ phúc lợi (1,5%)	478.378.542
4.2	Quỹ khen thưởng (3,5%)	1.116.216.597
5	Tổng lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	30.297.307.641

II. Phương án sử dụng lợi nhuận

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc trích lập:

- Quỹ phúc lợi 478.378.542 (Bốn trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi hai) đồng;
- Quỹ khen thưởng 1.116.216.597 (Một tỷ, một trăm mười sáu triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi bảy) đồng;



- Tổng số tiền trích lập các quỹ này là **1.594.595.139** (Một tỷ, năm trăm chín mươi tư triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng.
- 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông để **tập** trung nguồn lực cho phát triển kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2022**TỜ TRÌNH***V/v: sửa đổi Điều lệ Công ty***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Chi tiết sửa đổi tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK

PHAN ANH TUẤN

CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Kèm theo tờ trình số 03/2022/NVS/TT-HĐQT về sửa đổi Điều lệ Công ty)

1. Sửa đổi toàn bộ cấu trúc Điều lệ Theo tính chất hoạt động của Công ty, Điều lệ được sửa đổi thay cấu trúc điều khoản nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Cụ thể sự thay đổi cấu trúc điều lệ như sau:

Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi
<p>CĂN CỨ PHÁP LÝ CHƯƠNG I-QUY ĐỊNH CHUNG CHƯƠNG II-CÓ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG CHƯƠNG III-QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY IV. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY CHƯƠNG IV-XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN CHƯƠNG V-CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHƯƠNG VI-QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY CHƯƠNG VIII-QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN CHƯƠNG IX-TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY CHƯƠNG X-SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CHƯƠNG XI-HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ</p>	<p>CĂN CỨ PHÁP LÝ CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHƯƠNG III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CHƯƠNG XIII. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHƯƠNG XIV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHƯƠNG XV. ĐẦU CỦA DOANH NGHIỆP CHƯƠNG XVI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỒ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN CHƯƠNG XVII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CHƯƠNG XVIII. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ</p>

2. Thay đổi nội dung các điều khoản

STT	Điều khoản hiện tại	Nội dung hiện tại	Điều khoản sửa đổi	Nội dung sửa đổi
1.	Điều 1 Khoản 1 Điểm e	“Người quản lý Công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh (nếu có) và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;	Điều 1 Khoản 1 Điểm e	“Người quản lý Công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh (nếu có) và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này nhưng không bao gồm các cá nhân được ủy quyền nhân danh ký kết;
2.	Điều 2 Khoản 5	Thời hạn hoạt động: Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.	Điều 2 Khoản 5	Trừ trường hợp giải thể theo quy định của tại Điều lệ này hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.
3.	Điều 3	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.	Điều 3	Bỏ nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. Đưa các nội dung tiếp theo sau tiến lên 01 điều.
4.	Điều 6	Vốn điều lệ		Dời điều khoản này xuống đến điều 10. Đưa các điều khoản sau tiến lên 01 điều
5.	Điều 8 Khoản 2	Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.	Điều 6 Khoản 2	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
6.	Điều 12	Cổ phần	Điều 10	Đưa 2 nội dung Vốn điều lệ và Cổ phần về tại 1 điều: “ Vốn điều lệ, cổ phần ”
7.	Điều 11	Các quy định về cấm và hạn chế 1. Quy định đối với Công ty:	Điều 9	Các quy định về cấm và hạn chế 1. Quy định đối với Công ty: tuân thủ các quy định về

	<p>a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;</p> <p>b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;</p> <p>c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;</p> <p>d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;</p> <p>e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;</p> <p>f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;</p> <p>g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>h. Không được thực hiện những hành vi làm</p>		<p>cảm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
--	---	--	---



		<p>cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhằm về giá chứng khoán;</p> <p>i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;</p> <p>j. Các hạn chế khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:</p> <p>a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện cổ phần hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;- Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;- Đồng thời làm Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết; <p>b. Chi được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của</p>	
--	--	--	--

8.		<p>Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;</p> <p>d. Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Quy định đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của công ty chứng khoán khác;</p> <p>b. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;</p> <p>Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	Điều 11	Bổ sung nội dung Điều khoản “Cổ phiếu”
----	--	---	----------------	--

9.	Điều 22	Bộ máy quản trị điều hành của Công ty 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị. 3. Tổng giám đốc.	Điều 15	Chuyển điều khoản này lên Điều 15. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.
10.	Điều 16 Khoản 1	Cổ đông của Công ty là pháp nhân hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Công ty.	Điều 16 Khoản 1	Cổ đông của Công ty là pháp nhân hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Công ty. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
11.	Điều 17	Quyền của cổ đông Công ty	Điều 17 Khoản 6	Bổ sung khoản 6: “Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này”
12.	Điều 17 Khoản 8		Điều 17 Khoản 8 Điểm c	Bổ sung điểm c: “Quyền khác theo quy định của pháp luật”
13.	Điều 21	Chứng chỉ cổ phiếu		Điều khoản này được thay thế bằng “Điều 11. Cổ phiếu”
14.	Điều 23	Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21, Điều 22	Thay thế bằng 2 điều khoản: Điều 21: Đại hội đồng cổ đông Điều 22: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
15.	Điều 24 Khoản 1 Điểm b	Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Hội đồng quản trị phải báo cáo UBCK bằng văn		Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên,

		bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.		Hội đồng quản trị phải báo cáo UBCK bằng văn bản xin gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
16.	Điều 24		Điều 24	Bổ sung điều khoản: “ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ”
17.	Điều 25	Ủy quyền và cách thức ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 25	Thay thế bằng điều khoản: “ Thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ”
18.			Điều 26	Bổ sung điều khoản: “ Mời họp Đại hội đồng cổ đông ”
19.	Điều 26	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 27	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Bổ sung khoản 4: “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp (nếu kiến nghị không thuộc các trường hợp từ chối theo Khoản 3 Điều này), kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”
20.	Điều 27 Khoản 4	Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây: a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm c khoản này; b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của	Điều 28 Khoản 4	Chi có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

		<p>pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;</p> <p>c) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. 		
21.	Điều 28	Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 29	<p>Bổ sung khoản 10:</p> <p>“Đại hội cổ đông có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện do Hội đồng quản trị triệu tập họp căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các cổ đông đăng ký dự họp có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi”.</p>
22.	Điều 29	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 30, Điều 31	<p>Thay thế bằng 2 Điều khoản:</p> <p>Điều 30: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>

				<p>Điều 31: Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</p>
23.	<p>Điều 29 Khoản 3 Điểm e</p>	<p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	<p>Điều 30 Khoản 3 Điểm e</p>	<p>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>
24.	<p>Điều 29 Khoản 4 Điểm d</p>	<p>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	<p>Điều 31 Khoản 1 Điểm d</p>	<p>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>
25.			<p>Điều 32</p>	<p>Bổ sung điều khoản: “Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông”</p>
26.	<p>Điều 31 Khoản 2 Điểm i</p>	<p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó</p>	<p>Điều 35 Khoản 2 Điểm i</p>	<p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó</p>
27.	<p>Điều 31 Khoản 2 Điểm t</p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở</p>	<p>Điều 35 Khoản 2 Điểm t</p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở</p>
28.	<p>Điều 34 Khoản 1</p>	<p>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau: a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền góp số quyền biểu quyết</p>	<p>Điều 37 Khoản 1</p>	<p>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau: a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các</p>

		<p>của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>c. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác</p>	<p>ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>
29.	Điều 34		<p>Điều 37 Khoản 2</p> <p>Bổ sung khoản 2:</p> <p>Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử 01 thành viên;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên;</p>

					e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử số ứng viên.
30.	Điều 35	Chủ tịch Hội đồng quản trị		Điều 40	Chuyển điều khoản này xuống điều 40
31.	Điều 35 Khoản 2	Trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.		Điều 41 Khoản 2	Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông mà không phải phê chuẩn lại hàng năm tại cuộc họp thường niên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
32.				Điều 38	Bổ sung Điều khoản: “Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị”
33.	Điều 36	Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp		Điều 39	Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp Bổ sung khoản 15: “Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện cần cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.”
34.	Điều 37 Khoản 3 Điểm a	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giám quá 1/3;		Điều 40 Khoản 3 Điểm a	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá 1/3 so với số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giám quá 1/3;
35.	Điều 38	Ủy ban kiểm toán			Bỏ Điều 38 “Ủy ban kiểm toán”
36.				Điều 42, Điều 43, Điều 44,	Bổ sung nội dung: - Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

					<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần Ủy ban kiểm toán - Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán - Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần Ủy ban kiểm toán - Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán - Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán
37.					<p>Bổ sung nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bộ máy quản lý; - Ban Tổng giám đốc. 	<p>Bổ sung nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bộ máy quản lý; - Ban Tổng giám đốc.
38.	Điều 41 Khoản 4 Điểm j	Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;	Điều 50 Khoản 3 Điểm j	Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc		Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc
39.	Điều 42	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và bộ phận Quản trị rủi ro thuộc Tổng Giám đốc	Điều 51	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc		Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc
40.			Điều 52	Bổ sung điều khoản: “Bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị”		Bổ sung điều khoản: “Bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị”
41.			Điều 53	Bổ sung điều khoản: “Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt”		Bổ sung điều khoản: “Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt”
42.	Điều 44	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi Bổ nội dung: Khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8	Điều 55	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi		Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi
43.			Điều 58	Bổ sung điều khoản: “Công nhân viên và công đoàn”		Bổ sung điều khoản: “Công nhân viên và công đoàn”
44.	Điều 50	Con dấu	Điều 66	Dấu của doanh nghiệp		Dấu của doanh nghiệp
45.	Điều 53 Khoản 2	Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc	Điều 61 Khoản 2	Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc		Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc

	<p>độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ cách thức được chấp thuận kiểm toán.</p>	<p>thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và phân quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc được quyền quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.</p>	
46.	<p>Điều 56 Khoản 1</p> <p>Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ; b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi; d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. 	<p>Điều 64 Khoản 1</p>	<p>Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quỹ khen thưởng, phúc lợi; b. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

HẾT./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

*V/v: thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính,
báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty trong năm 2022, cụ thể:

- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- + Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Đây là ba tổ chức kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán, hoàn toàn độc lập với Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty.

Để việc lựa chọn đơn vị kiểm toán được hiệu quả, kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc đánh giá, quyết định lựa chọn một trong ba Công ty nêu trên làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty trong năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 04/2022/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
S.G.P: 02 - CH. C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
HÀ NỘI - TP. HÀ NỘI
PHAN ANH TUẤN

**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK****CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Mục đích**

Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank quy định cụ thể trách nhiệm, công tác phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận nhằm đảm bảo công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông Công ty.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng với công tác tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty bao gồm họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường.

Điều 3. Các từ viết tắt

- Quy chế: Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- Công ty/NVS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- TGD: Tổng giám đốc
- SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán
- UBCK: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**CHƯƠNG II
QUY TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ****4.1. ĐHĐCĐ thường niên:**

- a. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- b. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4.2. ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ theo khoản c này phải bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan;
- d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.3. **Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:**

- a. HĐQT triệu tập triệu tập ĐHĐCĐ bất thường muộn nhất 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điểm c Khoản 4.2 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- c. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 5. Các đại diện được ủy quyền

5.1. Các cổ đông có quyền trực tiếp hoặc cử người đại diện theo ủy quyền để tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

5.1.1. Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân khác tham dự ĐHĐCĐ.

5.1.2. Đối với cổ đông là tổ chức:

- a. Cổ đông là tổ chức có quyền ủy quyền cho một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa 03 người tham dự họp ĐHĐCĐ.
- b. Trường hợp cổ đông cử nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- c. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Cụ thể như sau:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền tham dự họp.

Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

b. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

c. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

5.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5.4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 trên đây, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5.5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 6. Chốt danh sách cổ đông, thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

6.1. Chốt danh sách cổ đông:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

6.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy

3 T
HÀ
KH
3A1
- T1

tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- 6.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
- 6.4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.
- 6.5. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất là 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ, lập chương trình họp và chuẩn bị các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty.
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - Gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 6.6. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Báo cáo tài chính năm;
 - Báo cáo của HĐQT về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Các vấn đề khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ.
- 6.7. Cổ đông và nhóm cổ đông được đề cập tại Điểm c Khoản 4.2 Điều 4 Quy chế này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 6.8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6.7 nêu trên trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng hạn;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
- 6.9. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

- 7.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 7.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định



họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

- 7.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 7.4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 8. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

- 8.1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết và thẻ bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử thành viên HĐQT), trên phiếu biểu quyết và thẻ bầu cử có ghi thông tin của cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết.
- 8.2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 8.3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 8.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 8.5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 8.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 8.7. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.



- 8.8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
 - Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- 8.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8.8 trên đây, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 8.10. Chủ tọa của đại hội và thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình họp đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự họp.
- 8.11. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.
- 8.12. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ.
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc trực tiếp tham dự) đại hội.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 8.13. Trong trường hợp ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nêu trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội, có thể:
- Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.
- 8.14. Trong Quy chế này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

0
CÔ
CÔ
HÚN
NAY
DINH

- 8.15. Đại hội cổ đông có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện do Hội đồng quản trị triệu tập họp căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các cổ đông đăng ký dự họp có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.

Điều 9. Thẻ lệ bầu cử thành viên HĐQT

9.1. Nguyên tắc đề cử, ứng cử:

Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên vào HĐQT;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên vào HĐQT;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên vào HĐQT;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên vào HĐQT;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên vào HĐQT;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 ứng viên vào HĐQT;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 ứng viên vào HĐQT;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 ứng viên vào HĐQT;
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên vào HĐQT.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

9.2. Tiêu chuẩn ứng cử viên HĐQT:

Các ứng cử viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

9.3. Nguyên tắc bầu cử:

- a. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ, công bằng;
- b. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

IG
PH
S K
IBA

- 9.4. Phiếu bầu do Công ty phát hành, có ghi đầy đủ thông tin của cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết. Cổ đông/đại diện có ủy quyền của cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần biểu quyết ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho ban kiểm phiếu.
- 9.5. Những phiếu sau đây là phiếu không hợp lệ và không có giá trị trong cuộc bầu cử:
- Phiếu không theo mẫu quy định hoặc không có dấu của Công ty;
 - Phiếu bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định;
 - Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử, đề cử;
 - Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
 - Phiếu ghi tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua, phiếu có viết thêm thông tin.
- 9.6. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa phiên họp và toàn thể ĐHĐCĐ. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban kiểm phiếu không được gạch, xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.
- 9.7. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả đó trước ĐHĐCĐ. Biên bản và toàn bộ phiếu bầu phải được niêm phong và giao lại cho Chủ tọa phiên họp. Niêm phong của các phiếu bầu chỉ được mở khi có quyết định của ĐHĐCĐ.
- 9.8. Những ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là những ứng cử viên:
- Đạt được số phiếu hợp lệ nhiều hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định, đồng thời phải đạt tỉ lệ nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành;
 - Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu cử hợp lệ theo nguyên tắc trên theo thứ tự từ trên xuống thấp nhiều hơn số lượng thành viên cần phải bầu tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu thấp nhất bằng nhau thì ĐHĐCĐ quyết định biểu quyết riêng lại đối với những người đó.
- 9.9. Nếu xét thấy có hành vi gian dối hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ tọa phiên họp, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

- 10.1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 10.2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp ĐHĐCĐ.
- 10.3. Các trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;

- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 10.4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 10.5. Các nghị quyết về nội dung khác được ĐHĐCĐ thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- 10.6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- 10.7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp.
- 10.8. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

- 11.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp sau:
- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được

ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

11.2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

11.3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

11.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

11.5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu

02
CÔNG
CỔ
HỮNG
NAV
DINH

- biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 11.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;
- 11.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 11.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 12. Hiệu lực quyết định của ĐHĐCĐ

- 12.1. Quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 12.2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
- 12.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 13.1. Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập với đầy đủ nội dung và thể thức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phải thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 13.2. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu giữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24h. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ ngày bế mạc đại hội. Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách các cổ đông đăng ký dự họp và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- C.
GTY
HÂN
KHO
BANI
- TP.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Mọi hoạt động của ĐHĐCĐ không được trái với Quy chế này, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này được các cổ đông phản ánh về Công ty để tổng hợp trình ĐHĐCĐ xem xét sửa đổi, bổ sung.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- HĐQT và TGD có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trên toàn Công ty.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi Quy chế đầu tư

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi Quy chế đầu tư công ty nhằm phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Chi tiết sửa đổi tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
PHAN ANH TUẤN

CHI TIẾT SỬA ĐỔI QUY CHẾ ĐẦU TƯ

(Kèm theo tờ trình số 05./2022/NVS/TT-HĐQT về sửa đổi Quy chế đầu tư)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi
	Khoản 4.1 Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	<p>Đại hội đồng cổ đông xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Hội đồng quản trị theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.</p> <p>b) Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông xem xét và ra quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, theo đề nghị của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Điều lệ công ty, pháp luật có quy định khác.</p>
	Khoản 4.2 Điều 4. Hội đồng quản trị	<p>Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.</p> <p>b) Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài</p>	<p>Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư, mua, bán số tài sản có giá trị dưới 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc, trừ trường hợp Điều lệ công ty, pháp luật có quy định khác.</p>

02 -
NG
PH
NG K
VIB
NH -

		chính gần nhất của NVS.	
Khoản 4.3 Điều 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc hoặc Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 20 tỷ đồng/giao dịch trở lên, nhưng không quá 30 tỷ đồng/giao dịch;</p> <p>b) Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 50 tỷ đồng/giao dịch.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a. Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và cổ phiếu của công ty đại chúng có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.</p> <p>b. Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị dưới 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.</p>	
Khoản 4.4 Điều 4. Tổng Giám đốc	<p>Tổng giám đốc xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 20 tỷ đồng/giao dịch.</p> <p>b) Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 30 tỷ đồng/giao dịch.</p>	<p>Tổng giám đốc xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:</p> <p>a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 50 tỷ đồng/giao dịch.</p> <p>b) Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 80 tỷ đồng/giao dịch.</p>	
Khoản 4.5 Điều 4. Ủy quyền cho cấp dưới	<p>Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cấp dưới như Phó Tổng giám đốc, Trưởng Phòng Tự doanh trong việc ra quyết định đầu tư nhưng phải tuân thủ quy định về</p>	<p>Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cấp dưới, bao gồm nhưng không giới hạn, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Môi giới. Trưởng Phòng Tự doanh</p>	

C.T.C
 TY
 IN
 HOÁN
 INK
 TP. HÀ

		điều kiện, tổng hạn mức áp dụng như áp dụng đối với Tổng giám đốc.	trong việc triển khai việc đầu tư nhưng phải tuân thủ quy định về điều kiện, tổng hạn mức áp dụng như áp dụng đối với Tổng giám đốc.
--	--	--	--

HẾT./.



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN 2021

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2021

1. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	1	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	1	100%	100%

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2021

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính Công ty năm 2021

- Năm 2021, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh và trung thực;
- Giám sát đánh giá các hoạt động phân phối trái phiếu, giao dịch tự doanh và các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, đặc biệt kiểm tra có hay không các giao dịch đáng ngờ.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

2.1. Đối với Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Ban Giám đốc đã tổ chức thực hiện nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid, kết quả kinh

doanh đạt được khả quan như kế hoạch đề ra, Công ty vẫn đảm bảo, duy trì được hoạt động kinh doanh ổn định và có lợi nhuận.

2.2. Đối với Hội đồng quản trị

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các chính sách, quy định về nội dung và tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống toàn Công ty;
- Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, việc kiểm soát được thực hiện từng 6 tháng/năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty;
- Các công việc của Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm 2021 tập trung đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty;
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển cho Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc được phân tích, phân biện và tham vấn từ Hội đồng quản trị nhằm có các giải pháp phù hợp cho Công ty.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2021, Ủy ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ phía Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra trong cuộc họp thường niên;
- Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào trọng yếu;
- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2021 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán đúng theo quy định hiện hành.

2. Kiến nghị:

- Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty tiếp tục hỗ trợ, phối hợp và tương tác với Ủy ban kiểm toán để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Rà soát, phân tích, đánh giá và ban hành các chính sách, quy định, nội quy điều chỉnh bổ sung phù hợp trong vận hành, kiểm soát hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục tập trung kiểm soát tuân thủ, kiểm soát chiến lược của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2022;
- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những người điều hành Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2022.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng báo cáo ./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN**



LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH